

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2022/DS-PT

Ngày: 06/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng liên doanh
liên kết – thuê khoán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 30/12/2021 và ngày 06/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLPT-DS ngày 06/7/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng liên doanh liên kết - thuê khoán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H;

Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn H; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; Chức vụ: Thư ký Tổng giám đốc theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2021. (Có mặt)

Địa chỉ: Quốc Lộ 30, cụm công nghiệp B, ấp Bình C, xã Bình T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Đ, Văn phòng Luật sư Đ, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.

Đại diện theo pháp luật là bà Trần Thanh T, sinh năm: 1979; Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

Địa chỉ: phường 2, TP. V, tỉnh V.

Địa chỉ liên hệ: ấp 6, xã Tân H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư L, Văn phòng Luật sư L thuộc đoàn Luật sư tỉnh V. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C;

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Trúc G - Chức vụ: Giám đốc. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Mỹ T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Công ty TNHH H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (Công ty TNHH H) là ông Nguyễn Đức T trình bày*: Vào ngày 11/02/2011, Công ty TNHH H Cá (gọi tắt là Công ty H) ký hợp đồng liên kết sản xuất với Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) theo đó Công ty H được sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất các thửa, thửa 45 tờ bản đồ số 01 đất tại xã M và thửa 383, 364 tờ bản đồ số 11 đất tại xã Tân H, huyện C với giá thuê khoán hàng năm chia thành 02 giai đoạn, từ năm 2011 đến năm 2020 giá thuê khoán 900.000.000đồng/năm, từ năm 2021 giá 1.000.000.000đồng/năm. Số đất liên kết sản xuất trên là đất do Ban quản lý rừng trầm G đứng chủ quyền và đã liên kết với Công ty V. Để thực hiện hợp đồng liên doanh liên kết sản xuất nuôi trồng thủy sản mà Công ty H đã ký với Công ty V thì Công ty H có ứng trước tiền thuê đất cho Công ty V 2.000.000.000 đồng số tiền này sẽ được trừ vào 02 năm cuối của hợp đồng liên kết. Năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (UBND tỉnh Đồng Tháp) chủ trương thu hồi số đất trên để cấp cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C, đến năm 2020 số đất và tài sản gắn liền với đất được đưa đấu giá theo quy trình nên hợp đồng liên kết giữa hai bên chấm dứt. Nay Công ty H yêu cầu Công ty V hoàn trả số tiền ứng trước 2.000.000.000 đồng cho Công ty H và tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời. Về nội dung phản tố của bị đơn phía Công ty có ý kiến như sau: Công ty H không đồng ý trả số tiền 4.302.500 đồng mà Công ty V yêu cầu. Vì vào năm 2015, Công ty V đã thanh lý hợp đồng với ban quản lý rừng trầm G, nên không còn quyền yêu cầu Công ty H phải trả tiền thuê khoán.

- **Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Công ty TNHH V) là bà Trần Thanh T trình bày:** Vào ngày 03/12/2010, Công ty V ký hợp đồng liên doanh, liên kết với Ban quản lý rừng trầm G, sau khi ký hợp đồng Công ty V đã đầu tư làm 18 ao, 01 kênh cấp nước, 02 kênh thoát nước, 02 nhà kho, 01 trạm hạ thế điện sản xuất, các trạm bơm nước trên diện tích đất thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 01 đất tại xã M và thửa 383, 364 tờ bản đồ số 11 đất tại xã Tân H, huyện C. Theo hợp đồng này thì Công ty V có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng năm cho Ban quản lý rừng trầm 32.500kg lúa/năm hợp đồng này có giá trị đến năm 2027 thì chấm dứt. Khi đầu tư tài sản vào đất như đã nêu trên thì Công ty V ký hợp đồng liên kết và phụ lục hợp đồng với Công ty H giao tài sản trên đất và đất (03 thửa) cho Công Ty H khai thác sử dụng thời hạn cũng đến năm 2027 với giá thuê khoán hàng năm 900.000.000 đồng, từ năm 2021 thì giá thuê khoán 1.000.000.000đồng/năm. Năm 2015, do chấp hành chủ trương của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng trầm G để tiến hành thủ tục đấu giá đất và tài sản trên đất cho đúng luật nên Công ty V thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng trầm G. Đến ngày 20/11/2020 thì giao tài sản và đất đấu giá theo quy định. Trong thời gian từ năm 2015 đến ngày 20/11/2020, đất và tài sản trên đất vẫn để cho Công ty H sử dụng, khai thác theo hợp đồng đã ký kết, nhưng Công ty H không trả tiền khoán hàng năm như đã thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng. Do đó, Công ty V không đồng ý hoàn trả tiền 2.000.000.000 đồng như yêu cầu của Công ty H. Công ty V có yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty H hoàn trả tiền sử dụng tài sản từ năm 2016 đến 20/11/2020 là 4.302.500.000 đồng tương ứng thời gian mà Công ty H đã sử dụng 04 năm 09 tháng. Đối với yêu cầu hủy biên bản ngày 26/8/2020 Công ty V rút lại không yêu cầu.

- **Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C đại diện là anh Trương Công V trình bày trong phiên hòa giải:** Do phía Công ty V đã rút yêu cầu hủy biên bản ngày 26/8/2020 nên Ban quản lý không có ý kiến gì. Tuy nhiên, Ban quản lý đề nghị Công ty H nộp tiền đã sử dụng đất 04 năm từ ngày 11/8/2015 đến ngày 11/8/2019 theo đúng cam kết trong biên bản 26/8/2020. Nhưng Ban quản lý không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này trong vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H;
- Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V;
- Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H 2.000.000.000 đồng (Hai tỉ đồng). Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2021.
- Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH V 2.446.489.000 đồng (Hai tỉ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy văn bản ngày 26/8/2020 của Công ty TNHH V.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

+ Công ty TNHH V phải nộp 72.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.151.200 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012459 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, sau khi khấu trừ Công ty TNHH V phải nộp tiếp số tiền 15.848.800 đồng.

+ Công ty TNHH H phải nộp 80.929.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012175 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, sau khi khấu trừ Công ty TNHH H phải nộp tiếp số tiền 44.929.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 27/5/2021 Công ty TNHH H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án huyện C, không chấp nhận việc buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH V số tiền 2.446.489.000 đồng theo yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH H là ông Nguyễn Đức T trình bày: Công ty H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho Công ty V số tiền 2.446.489.000 đồng. Công ty H khẳng định kể từ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2015, công ty H không sử dụng bất cứ tài sản nào của Công ty V, Công ty H đã trả hết tài sản gắn liền với đất cho Công ty V theo hợp đồng liên doanh, liên kết giữa hai công ty.

+ **Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V là bà Trần Thanh T trình bày:** Công ty V yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc Công ty H trả cho Công ty V 2.446.489.000 đồng.

- Luật sư Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo hợp đồng liên doanh, liên kết giữa Công ty V và Công ty H ký kết vào năm 2011 thì Công ty V phải chịu trách nhiệm pháp lý về phần đất giao cho Công ty H và chịu trách nhiệm bồi thường nếu hủy ngang hợp đồng. Nhưng năm 2015 đất bị Nhà nước thu hồi mà Công ty V không trực tiếp đến bàn bạc với

Công ty H để thanh lý hợp đồng và trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020 Công ty V cũng không yêu cầu Công ty H trả tiền theo hợp đồng. Do hợp đồng giữa Công ty V với Ban quản lý rừng Tràm G đã thanh lý vào năm 2015. Ban quản lý rừng Tràm G đã nhận lại đất nên Công ty V không còn quyền hạn gì đối với phần đất này. Đối với tài sản trên đất, Công ty H đã trả cho Công ty V xong. Theo chứng thư thẩm định tài sản lần 2 và biên bản làm việc của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp thì trị giá tài sản của Công ty H chiếm 36,4%. Do là hợp đồng liên doanh, liên kết nên đề nghị Tòa án thẩm định lại giá trị tài sản của Công ty V. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy hợp đồng liên doanh, liên kết giữa Công ty H và Công ty V do vô hiệu. Bác yêu cầu của Công ty V về việc yêu cầu Công ty H trả 2.446.489.000 đồng.

- Luật sư L là người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày: Hợp đồng giữa Công ty V và Công ty H ký kết đầu tiên là liên doanh, liên kết nuôi trồng thủy sản, nhưng do không thực hiện được nên ký phục lục hợp đồng là thuê khoán tài sản. Theo đó Công ty V giao tài sản gồm đất và tài sản trên đất cho Công ty H với giá thuê là 900.000.000 đồng/năm (2011-2020). Từ năm 2021 đến năm 2027 là 1.000.000.000 đồng/năm. Năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thu hồi đất nên Công ty V thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng Tràm G. Tuy nhiên, Công ty H không thanh lý hợp đồng với Công ty V mà vẫn sử dụng tài sản của Công ty V từ năm 2016 đến năm 2020, việc sử dụng tài sản được thể hiện tại biên bản làm việc ngày 26/8/2020 tại Ban quản lý và Phát triển quỹ đất huyện C với Công ty H, Công ty H thừa nhận sử dụng đất và trả tiền thuê đất cho Ban quản lý và Phát triển quỹ đất huyện C từ năm 2016 đến năm 2020. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án huyện C, không chấp nhận việc buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH V số tiền 2.446.489.000 đồng theo yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V.

Nhận thấy, ngày 03/12/2010 Công ty V ký hợp đồng liên doanh, liên kết với Ban quản lý rừng Tràm G hợp đồng có giá trị đến năm 2027. Sau đó, ngày 11/02/2011 Công ty V ký hợp đồng liên doanh, liên kết với Công ty H. Kèm theo phục lục hợp đồng với nội dung: Công ty H được sử dụng ba thửa đất và tài sản trên đất do Công ty V giao với giá thuê khoán là 900.000.000 đồng/năm (2011-2020) và 1.000.000.000 đồng/năm (từ năm 2021-2027). Năm 2015 Nhà nước có chủ trương thu hồi đất nên Công ty V thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng Tràm G và tiến hành đấu giá vào ngày 20/11/2020. Tuy nhiên, Công ty V và Công ty H vẫn chưa thanh lý hợp đồng và tài sản trên đất của Công ty V, Công ty H vẫn sử dụng. Theo khảo sát của Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ

đất huyện C xác định Công ty H thừa nhận có sử dụng đất từ năm 2015 đến năm 2020, hơn bốn năm. Như vậy, Công ty H có sử dụng tài sản của Công ty V nên phải trả tiền thuê do sử dụng tài sản là có căn cứ. Công ty H kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty TNHH H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14/5/2021 của Tòa án huyện C, không chấp nhận việc buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH V số tiền 2.446.489.000 đồng theo yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V.

[1.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng và phụ lục hợp đồng ký kết ngày 11/02/2011 giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH H thể hiện nội dung, Công ty V giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất và đất của các thửa 45, 384, 364 tờ bản đồ số 01 và số 11 cho Công ty H nuôi thủy sản, với giá thuê khoán hàng năm 900.000.000 đồng, từ năm 2021 giá được tăng lên 1.000.000.000 đồng/năm, việc này được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, vào năm 2015 UBND tỉnh Đồng Tháp có quyết định thu hồi 03 thửa đất trên giao lại cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C. Cho nên, ngày 04/9/2015 giữa Ban quản lý rừng trầm G và Công ty TNHH V đã tiến hành thanh lý hợp đồng. Đến ngày 20/11/2020 Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C mới nhận lại 03 thửa đất trên để tiến hành đấu giá thuê đất theo luật định. Vì vậy, kể từ ngày 20/11/2020 hợp đồng và phụ lục hợp đồng giữa Công ty H và Công ty V ký kết ngày 11/02/2011 đương nhiên chấm dứt. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến 20/11/2020 (ngày giao tài sản tiến hành đấu giá) là 04 năm 09 tháng Công ty H vẫn sử dụng toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất mà Công ty V đã đầu tư để khai thác sinh lợi và 02 bên đều chưa thanh lý hợp đồng, phụ lục hợp đồng ký kết ngày 11/02/2011. Đồng thời, trong văn bản giải trình ngày 23/11/2018 khi di chuyển tài sản trạm điện hạ thế; Công ty H xác định, việc di dời trạm biến áp 31x1P-25KVA T là hợp pháp theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa Công ty V với Công ty H đang còn hiệu lực.

[1.2] Ngoài ra, ngày 26/8/2020 Công ty H ký biên bản xác nhận là đã sử dụng đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất với Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C và đồng ý trả tiền thuê đất cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C. Từ lời thừa nhận của Công ty H có đủ cơ sở để chứng minh Công ty H có sử dụng tài sản gắn liền với đất của Công ty V.

[1.3] Tại phiên tòa đại diện của Công ty H có ý kiến cho rằng đã trả tài sản lại cho Công ty V và không sử dụng tài sản nào của Công ty V. Nhưng Công ty H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ, chứng minh là Công ty H đã bàn giao tài sản trả cho Công ty V. Đối với Công ty V xác định, không nhận tài sản mà Công ty H giao, mà đến ngày 20/11/2020 Công ty V và Công ty H mới giao đất và tài sản cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C để bán đấu giá. Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của Công ty H là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, Công ty V yêu cầu Công ty H trả tiền sử dụng tài sản thời gian 4 năm 9 tháng sau khi khấu trừ tiền thuê đất đã được đấu giá năm 2020 là có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, Công ty TNHH H có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V 4.275.000.000đồng (tiền Công ty H phải trả theo hợp đồng trong thời hạn 04 năm 09 tháng) – 1.828.511.000đồng (tiền đất đã đấu giá) = 2.446.489.000đồng.

[2] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH H là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét bản án sơ thẩm xét xử buộc Công ty V trả cho Công ty H 2.000.000.000 đồng và buộc Công ty H trả cho Công ty V 2.446.489.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên Công ty TNHH H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 ; Khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 483, 488 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H;

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V;

3. Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H 2.000.000.000 đồng (Hai tỉ đồng). Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2021 của Tòa án huyện C.

4. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH V 2.446.489.000 đồng (Hai tỉ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy văn bản ngày 26/8/2020 của Công ty TNHH V.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH V phải nộp 72.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.151.200 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012459 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, sau khi khấu trừ Công ty TNHH V phải nộp tiếp số tiền 15.848.800 đồng.

- Công ty TNHH H phải nộp 80.929.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012175 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, sau khi khấu trừ Công ty TNHH H phải nộp tiếp số tiền 44.929.500 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012699 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi Cục THA DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh